VIETNAM 1:50,000

TA PHING

SHEET 5653 IV
SERIES L7014

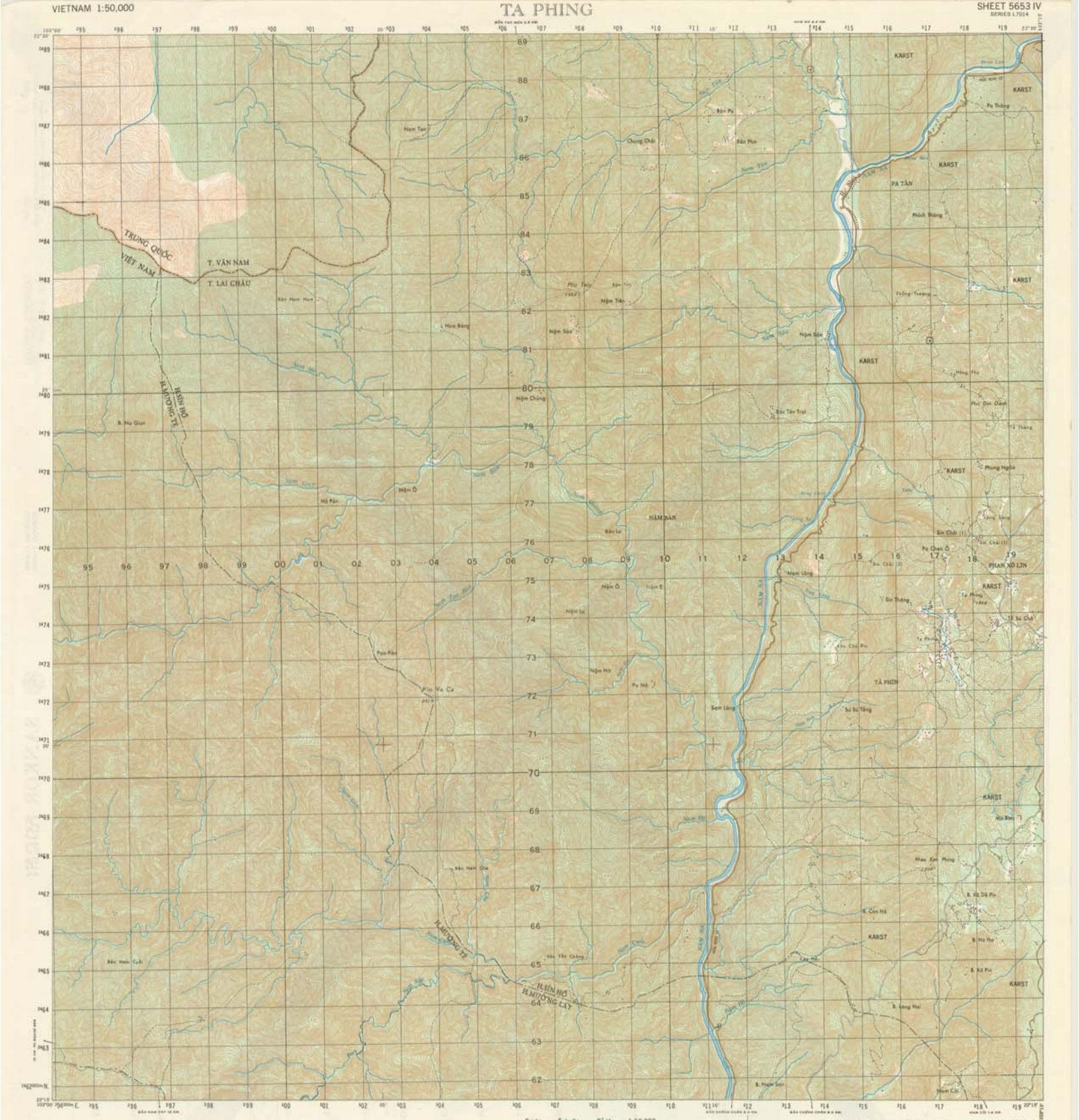

CỤC BẢN ĐỒ BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
IN THÁNG 5 NĂM 1979. CHỈNH LÝ THEO BẢN ĐỒ 1:100.000 UTM IN NĂM 1978.

FOR CHINA LEGEND SEE ADJOINING SERIES
POUR LA LÉGENDE DE LA CHINE VOIR LA FEUILLE ADJACENTE DE LA CHINE
XEM CHÚ TỪ PHÍA TRUNG QUỐC Ở LOẠI KẾ CẬN

LEGEND—*LÉGENDE*—*CHÚ TỪ*

MAP INFORMATION AS OF 1968
RENSEIGNEMENTS CARTOGRAPHIQUES 1968
BẢN ĐỒ TÌNH HÌNH NĂM 1968

Scale Échelle Tỷ-lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL – 20 METERS
ÉQUIDISTANCE DES COURBES: 20 MÈTRES

RELIEF PARTIALLY SHOWN BY FORM LINES
RELIEF PARTIELLEMENT REPRÉSENTÉ PAR LES LIGNES CARACTÉRISTIQUES

SPHEROID ..... EVEREST
GRID ..... 1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION ..... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM ..... APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL
HORIZONTAL DATUM ..... INDIAN DATUM 1960

ELLIPSOÏDE ..... EVEREST
QUADRILLAGE ..... KILOMÈTRIQUE UTM, FUSEAU 48 (LIGNES CHIFFRÉES EN NOIR)
PROJECTION ..... RAMBERGE MERCATOR
NIVEAU DE RÉFÉRENCE ..... NIVEAU MOYEN APPROXIMATIF DES MERS
LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE L'INDE 1960

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT

MỘT PHẦN ĐỊA THỂ ĐƯỢC THỂ HIỆN BẰNG CÁC ĐƯỜNG MIỀU DIỆN HÌNH THỂ

KHỐI BẦU DỤC ..... EVEREST
Ô VUÔNG ..... LƯỚI TOÀ ĐỘ UTM MỖI ÔNG FRÔT 48 (CHỮ ĐƯỜNG CÓ CHỮ SỐ ĐEN)
HỆ THỐNG CHIẾU ..... MẠT ĐỒ TRUNG BÌNH ĐẲNG CHIỀU
MỰC ĐỘ CHUẨN ..... MỰC NƯỚC BIỂN TRUNG BÌNH
HỆ THỐNG TRẮC CẦU CHUẨN ..... HỆ THỐNG TRẮC CẦU ẤN ĐỘ 1960

THE DELINEATION OF INTERNATIONAL BOUNDARIES MUST NOT BE CONSIDERED AUTHORITATIVE
LES PRONÉNÉS TRACÉS DU BLUE SONT FORTES SUR LA CARTE NE SE SONT QU'À TITRE D'INDICATION
ĐƯỜNG BIÊN GIỚI GHI TRÊN BẢN ĐỒ CHƯA ĐƯỢC MINH ĐỊNH

GLOSSARY — GLOSSAIRE — CỔ-TỰ

Bản	hameau	settlement
Đồng	chutes	falls
Nông	rapides	rapids
Phu	passages	sequence

GRID CONSEQUENCE FOR CENTER OF SHEET
CONSÉQUENCE DU QUADRILLAGE POUR LE CENTRE DE LA FEUILLE
HỆ-TỰ ĐƯỜNG KẺ Ô VUÔNG TRUNG ƯƠNG TẤM BẢN ĐỒ
(FAC) (13 MILS/MILL/MIL)

ELEVATION GUIDE
GUIDE D'ÉLÉVATION
CHỈ DẪN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
FRONTIÈRES
RƯỜNG BIÊN GIỚI

ADJOINING SHEETS
FEUILLES ADJACENTES
BẢNG BÁP BÊN-ĐỒ

5522 I	5622 IV	5654 II
L 7018		
5553 I	5653 IV	5653 I
5553 II	5653 III	5653 II

Sheet 5653 IV falls within 37 HEL LMR 1:250,000.

480
TR UR